TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ MƯỜNG LAY** **TỈNH ĐIỆN BIÊN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨ VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2018/HNGD - ST
Ngày 26 /6 /2018
V/v: Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ MƯỜNG LAY TỈNH ĐIỆN BIÊN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: ông Thân Văn Hàm

Các Hội thẩm nhân dân

1. ông Điêu Văn Sáng

2. ông Hoàng Văn Tương

Thư ký phiên tòa: ông Thiều Tất Lơ- thư ký Tòa án nhân dân thị xã Mường Lay

Ngày 26 tháng 6 năm 2018 tại trụ sở Toà án nhân dân thị xã Mường Lay xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số: 13 /2018/HNGĐ -ST ngày 15 tháng 03 năm 2018 về việc" *Ly hôn* " theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2018/QĐST-HNGĐ ngày 29/05/2018 và quyết định hoãn phiên tòa số 02/2018/QĐST-HNGĐ, ngày 14 tháng 6 năm 2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Lê Thị L - Sinh năm: 1972 (*có mặt)*

Nơi ĐKHKTT: tổ 5 phường Sông Đà thị xã Mường Lay tỉnh Điện Biên.

Bị đơn: Anh Phạm Ngọc T - Sinh năm: 1966 *(vắng mặt*)

Nơi ĐKHKTT: tổ 5 phường Sông Đà thị xã Mường Lay tỉnh Điện Biên.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện ngày 07/03/2018 và lời khai tại Tòa nguyên đơn chị Lê Thị L trình bầy: Chị và anh Phạm Ngọc T kết hôn với nhau năm 1992 tại UBND phường SĐ thị xã LC cũ nay là thị xã ML tỉnh ĐB, hoàn toàn tự nguyện không ai ép buộc hay cản trở gì. Vợ chồng sống hạnh phúc thời gian đầu khoảng 20 năm, thời gian gần đây vợ chồng tôi tình cảm nhạt phai, vì anh T hay uống rượu mỗi lần say anh lại chửi tôi, vợ chồng tôi đã sống ly thân 6 tháng nay. Tình cảm giữa tôi và

anh T không còn, vậy tôi làm đơn này xin Tòa án giải quyết ly hôn cho tôi và anh Phạm Ngọc T.

Về con chung: Chúng tôi có hai cháu, con lớn Phạm Thị Thu H, sinh năm 1990 đã lập gia đình; con thứ hai Phạm Anh T sinh năm 1993. Các con chúng tôi đã trưởng thành có khả năng lao động tự sinh sống. Tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết trách nhiệm nuôi dưỡng các con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Tôi và anh T tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Phạm Ngọc T trình bày trong bản tự khai ngày 28/3/2018. Anh và chi L kết hôn với nhau năm 1992 hoàn toàn tự nguyện không ai ép buộc hay cản trở gì. Vợ chồng sống hạnh phúc 20 năm , vợ chồng không có mâu thuẫn gì chị L có đơn xin ly hôn tôi không nhất trí ly hôn.

Về con chung; Hai cháu đã trưởng thành, con lớn Phạm Thị Thu H, sinh năm 1990 đã lập gia đình; con thứ hai Phạm Anh T sinh năm 1993. Tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết trách nhiệm nuôi dưỡng các con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án đã tiến hành hòa giải để vợ chồng quay về đoàn tụ nhưng chị L vẫn giữ nguyên quan điểm là đề nghị được ly hôn với anh T còn anh T không nhất trí ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Về quan hệ pháp luật tranh chấp, tư cách đương sự và thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị Lê Thị L có đơn khởi kiện về việc ly hôn với anh Phạm Ngọc T có hộ khẩu thường trú tại tổ 5 phường SĐ, thị xã ML, tỉnh ĐB. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 68 Bộ Luật tố tụng dân sự xác định đây là vụ án: "Ly hôn" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã ML, tỉnh ĐB. Anh Phạm Ngọc T đã được Tòa án triệu tập 02 lần để xét xử, nhưng anh T vắng mặt không có lý do. Vì vậy căn cứ điểm b, khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử theo quy định của pháp luật.

[2]Về hôn nhân: Chị Lê Thị L và anh Phạm Ngọc T kết hôn với nhau năm 1992, trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND phường SĐ, thị xã LC cũ nay là thị xã ML, tỉnh ĐB là hôn nhân hợp pháp.

Sau khi kết hôn cuộc sống chung vợ chồng chị Lê Thị L và anh Phạm Ngọc T hạnh phúc được một thời gian sau đó nẩy sinh mâu thuẫn do anh T hay uống rượu say về nhà chửi vợ. Anh T xác định vợ chồng không có mâu thuẫn gì nhưng cũng thừa nhận hai vợ chồng đã sống ly thân khoảng 6 tháng. Chị Lê Thị L xác định tình cảm giữa chị và anh T đến nay không còn, hôn nhân đã thực sự tan vỡ không thể hàn gắn được nữa nên chị đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn với anh Phạm Ngọc T. HĐXX xét thấy quan hệ hôn nhân giữa chị Lê Thị L và anh Phạm Ngọc T đã thực sự tan vỡ, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng hai vợ chồng đã sống ly thân khoảng 6 tháng, anh T không có giải pháp gì để khắc phục mẫu thuẫn của vợ chồng, chị L nhất quyết xin ly hôn. Vì vậy xử cho chị Lê Thị L được ly hôn anh Phạm Ngọc T là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, để cho mỗi người tạo dựng cuộc sống mới.

[3] Về phần con chung: Anh T và chị L có hai cháu, con lớn Phạm Thị Thu H, sinh năm 1990; con thứ hai Phạm Anh T sinh năm 1993, các con của anh T và chị L đã trưởng thành. Cháu lớn đã lập gia đình có cuộc sống riêng, cháu thư hai đã trưởng thành có khả năng lao động tự sinh sống. Dó đó quan điểm của anh T và chị L không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết trách nhiệm nuôi dưỡng con chung là phù hợp với quy định của Luật nên được chấp nhận.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Chị Lê Thị L và anh Phạm Ngọc T đều có quan điểm tự phân chia không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết 326/2016 UBTVQH 14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội chị Lê Thị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ điểm b, khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 28; điểm a, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57 Luật Hôn nhân gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết 326/2016 UBTVQH 14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí.

1.Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Lê Thị L và anh Phạm Ngọc T.

2. Về tài sản chung và nợ chung: Chị Lê Thị L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về án phí: Chị Lê Thị L phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã

nộp 300.000đ theo biên lai thu số: AA/2010/02172, ngày 15/3/2018 của chi cục Thi hành án dân sự thị xã ML. Chị Lê Thị L đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi Nhận:
- VKS thị xã;
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Điện Biên;
- Chi cục THA thị xã;
- UBND phường Sông Đà;
- Lưu KT; hồ sơ vụ án.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Thân Văn Hàm